

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Ngọc
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Ngọc

Mã sinh viên: 151 240 1050

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
 - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
 - Địa chỉ: Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Lê Thị Ngọc

Ths. Đông Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Nga

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Lê Thị Ngọc Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp và thương mại Phú Thành .

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi

Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.

Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.2.1. Doanh thu:.....	3
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	4
1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí.....	5
1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	6
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	21
1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	21
1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	25
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	25
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	26
1.2.6. Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	28
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC.....	32
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung.....	32

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	33
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	35
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH	36
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành	36
2.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty.....	36
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	37
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty.....	38
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	41
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	41
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	42
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản.....	42
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán.....	43
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	44
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	44
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành	53
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	61
2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	66
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	66
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	66
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	66
2.2.5. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	72

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH	80
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí. xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Hạn chế	82
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu. chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	84
KẾT LUẬN.....	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp.....	11
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý. (Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).	12
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp..	12
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	16
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính	24
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	28
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	31
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	33
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái.....	33
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	34
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	35
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành	38
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	41
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp và.....	43
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành	45
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	54
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành	61
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....	66

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng	46
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng	47
Biểu số 2.3: Phiếu thu	48
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung.....	49
Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511	50
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	51
Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu	52
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho	55
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho	56
Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung.....	57
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632	58
Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn.....	59
Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn.....	60
Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng	62
Biểu số 2.15: Phiếu chi.....	63
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642	65
Biểu số 2.18: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương	67
Biểu số 2.19: Giấy báo có.....	68
Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung.....	69
Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515	70
Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635	71
Biểu số 2.23. Phiếu kế toán	73
Biểu số 2.24. Phiếu kế toán	73
Biểu số 2.25. Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.26. Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.27. Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung.....	75
Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 911	76
Biểu số 2.30. Trích sổ cái TK 821	77
Biểu số 2.31. Trích sổ cái TK 421	78
Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	79
Biểu số 3.1: Báo cáo tính hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2018	83
Biểu số 3.2: Sổ chi phí quản lý kinh doanh.....	86

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. TT-BTC	Thông tư của Bộ tài chính
2. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
3. GTGT	Giá trị gia tăng
4. TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
5. BVMT	Bảo vệ môi trường
6. CCDV	Cung cấp dịch vụ
7. CKTM	Chiết khấu thương mại
8. SPS	Số phát sinh
9. BHXH	Bảo hiểm xã hội
10. BHYT	Bảo hiểm y tế
11. KPCĐ	Kinh phí công đoàn
12.XDCB	Xây dựng cơ bản
13. TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
14. KQKD	Kết quả kinh doanh

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động trong sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Việc tổ chức công tác toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản lý đưa ra đối sách phù hợp. Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ **Đông Thị Nga**, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
- Đề xuất một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phạm vi nghiên cứu : tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê, so sánh.

5. Kết cấu của khoá luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Chương 3 : Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy, việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt các nhà đầu tư.

Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.2. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2.1. Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh

nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.2.3. Chi phí và phân loại chi phí.

Chi phí phát sinh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ *Chi phí quản lý kinh doanh* là: những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý chung của toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào.

+ *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$Lãi\ sau\ thuế = Thu\ nhập\ chịu\ thuế - Thuế\ thu\ nhập\ doanh\ nghiệp$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

+ Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

+ Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

+ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán...

Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

+ Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

+ Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

a, Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b, Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

+ Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế);

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hoặc hàng bán bị trả lại được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC và ghi giảm doanh thu trên BCTC của kỳ lập báo cáo.

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Có 4 tài khoản cấp 2:

- TK5111-Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5112-Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK5118-Doanh thu khác.

Kết cấu của TK511:

Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Các khoản giảm trừ doanh thu;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

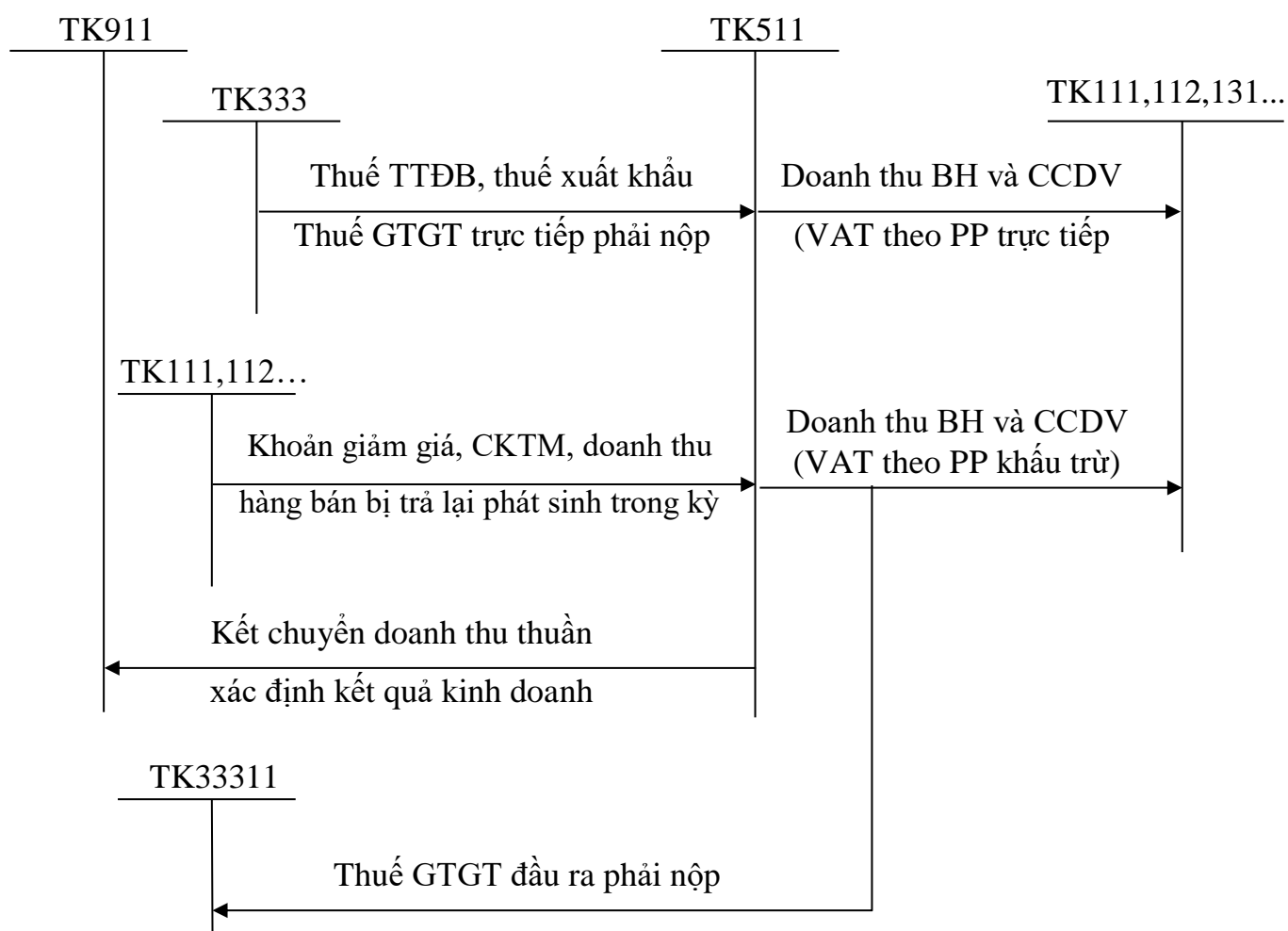
- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

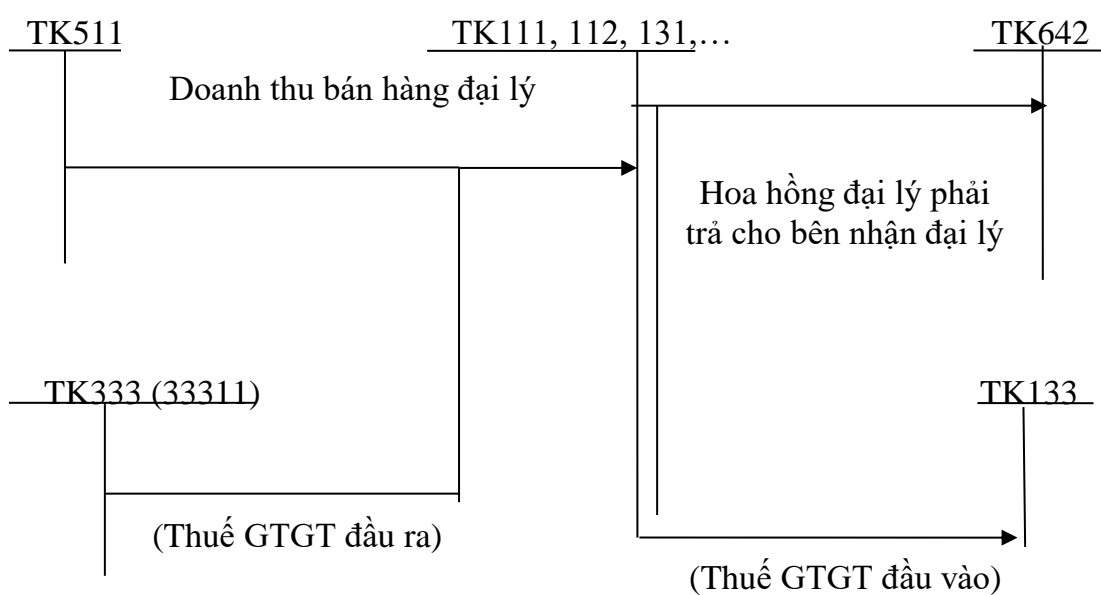
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác :* Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

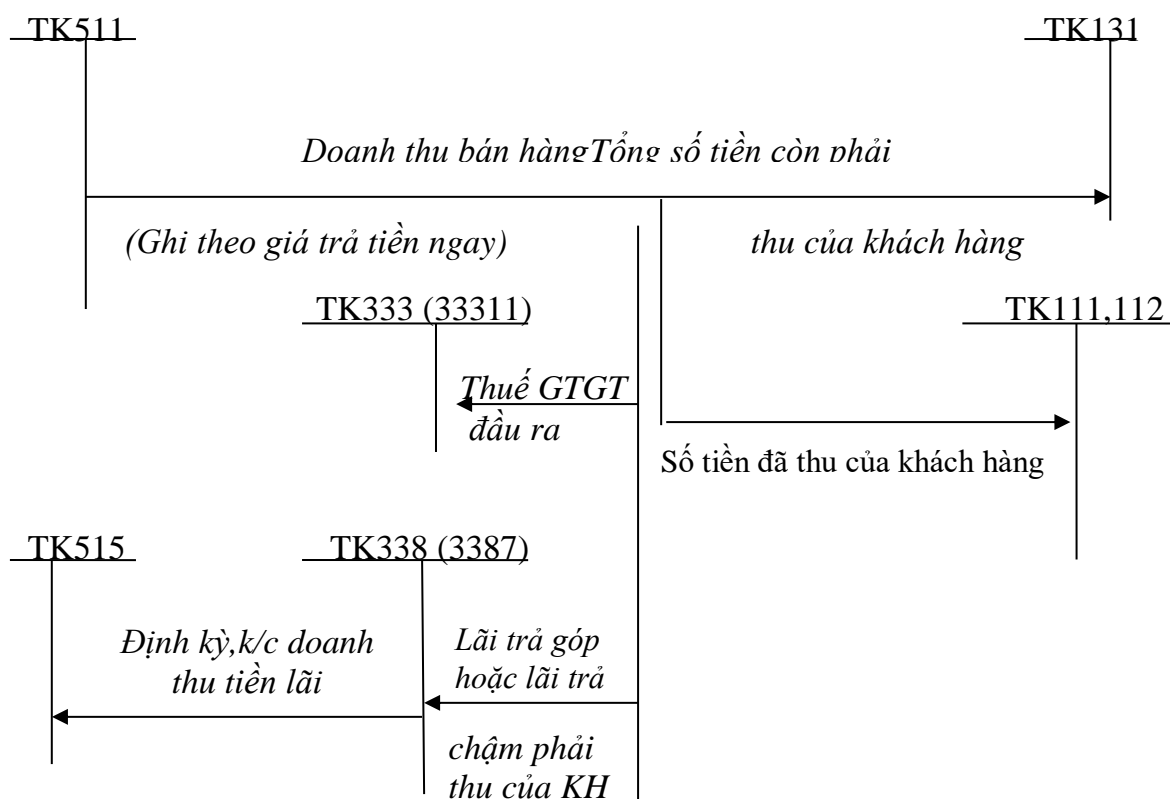
➤ **Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.
(Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

+ Tài khoản giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

+ Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng

nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng và loại trừ hàng tồn kho dùng cho hoạt động xây dựng cơ bản, giá trị hàng tồn kho dùng cho sản xuất sản phẩm mà sản phẩm được tạo ra từ những hàng tồn kho này có giá bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

+ Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

+ Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

+ Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

❖ **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.**

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng :

a, Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu

kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

b, Phương pháp bình quân gia quyền:

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

doanh nghiệp.

+) *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

c, Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

d, Phương pháp đơn giá bán lẻ:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông

thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Phương pháp này giúp cho việc tính giá hàng hoá được dễ dàng trong trường hợp có nhiều mặt hàng hoặc nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau mà các doanh nghiệp không thể xác định ngay được giá vốn của hàng hoá.

Phương pháp giá bán lẻ áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Phiếu xuất kho;
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Kết cấu TK 632:*

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

Bên Có:

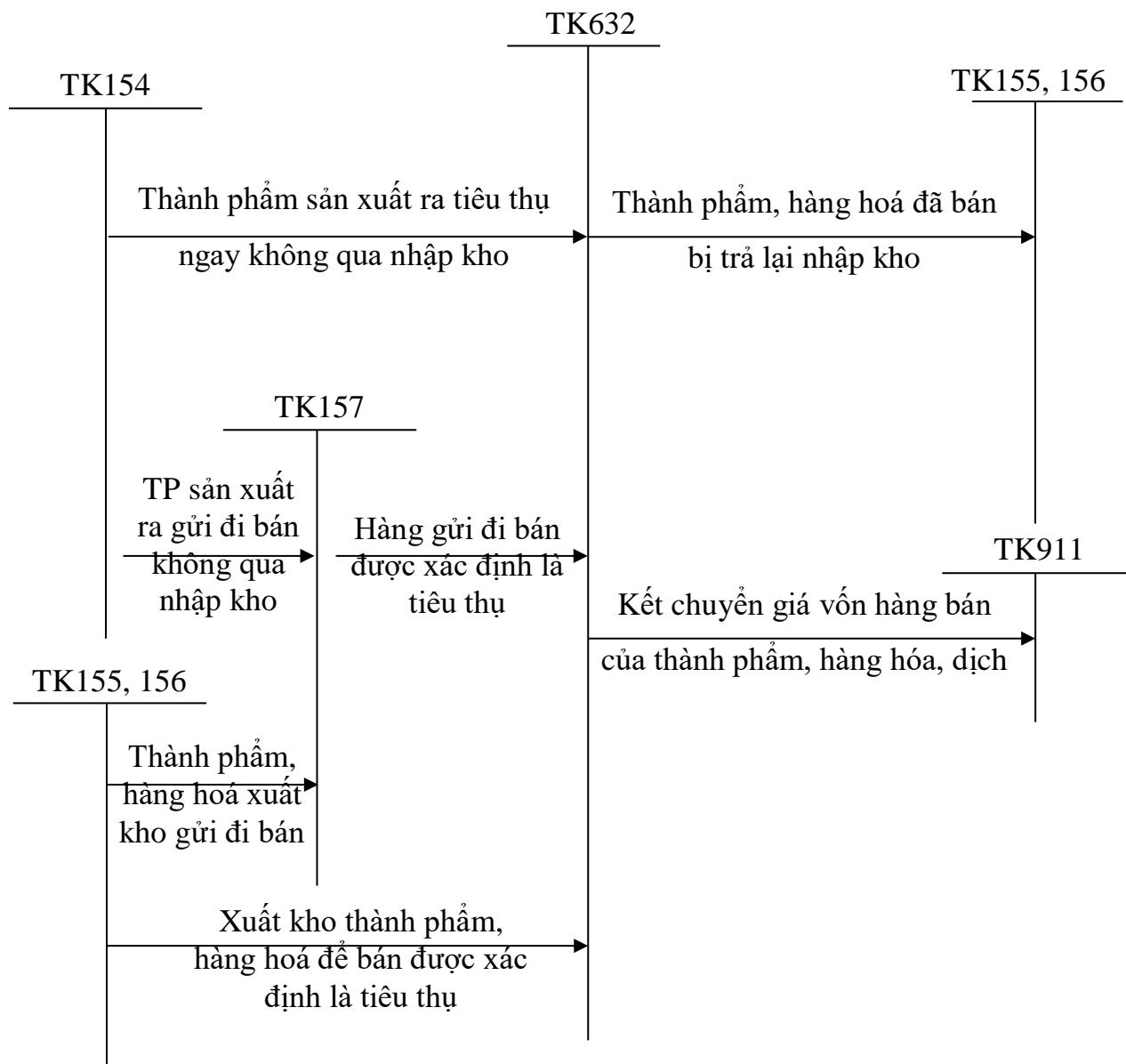
+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

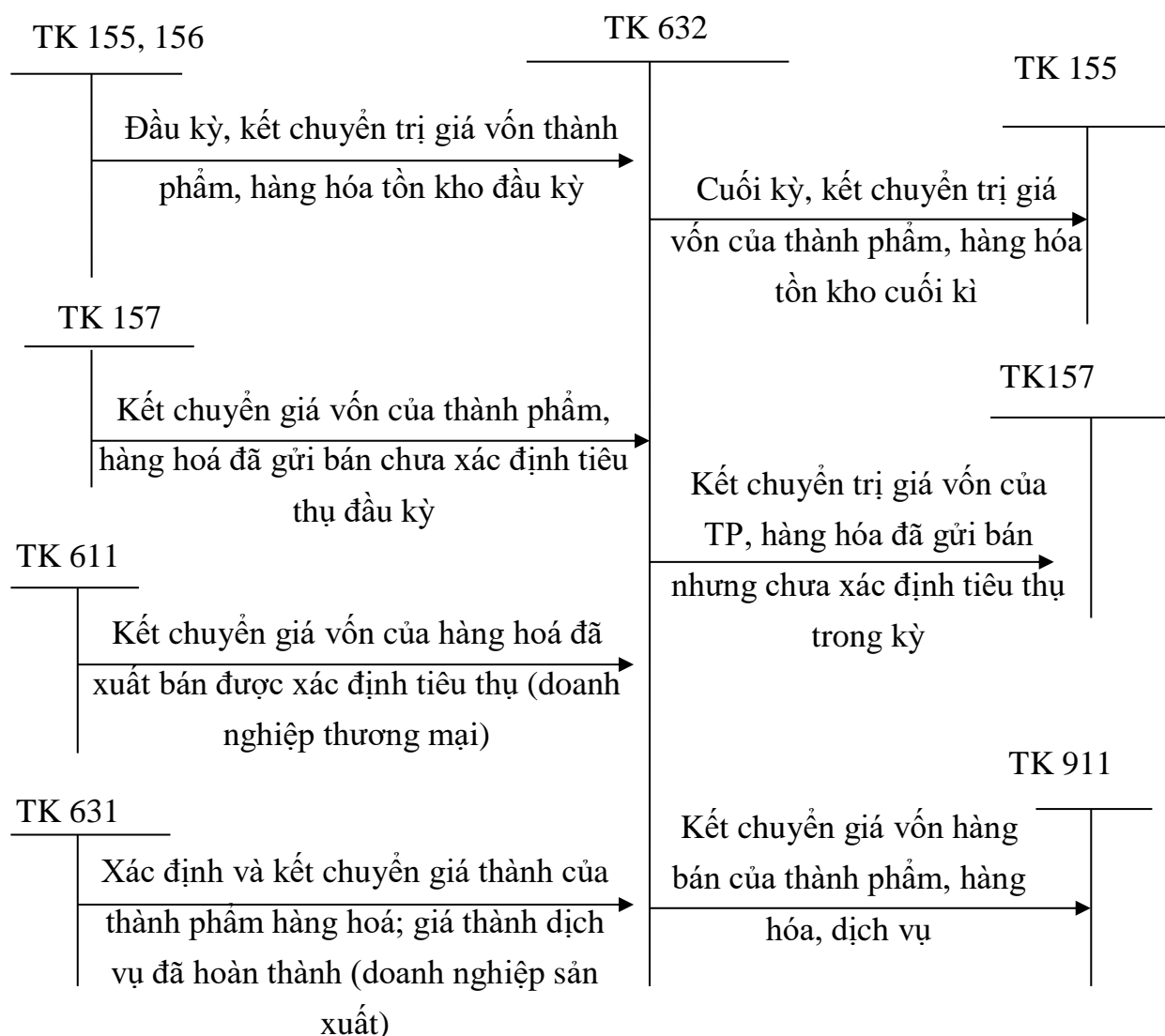
+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Bảng phân bổ NVL – CC, DC;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi;
- + Chứng từ kế toán khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Bên Có:

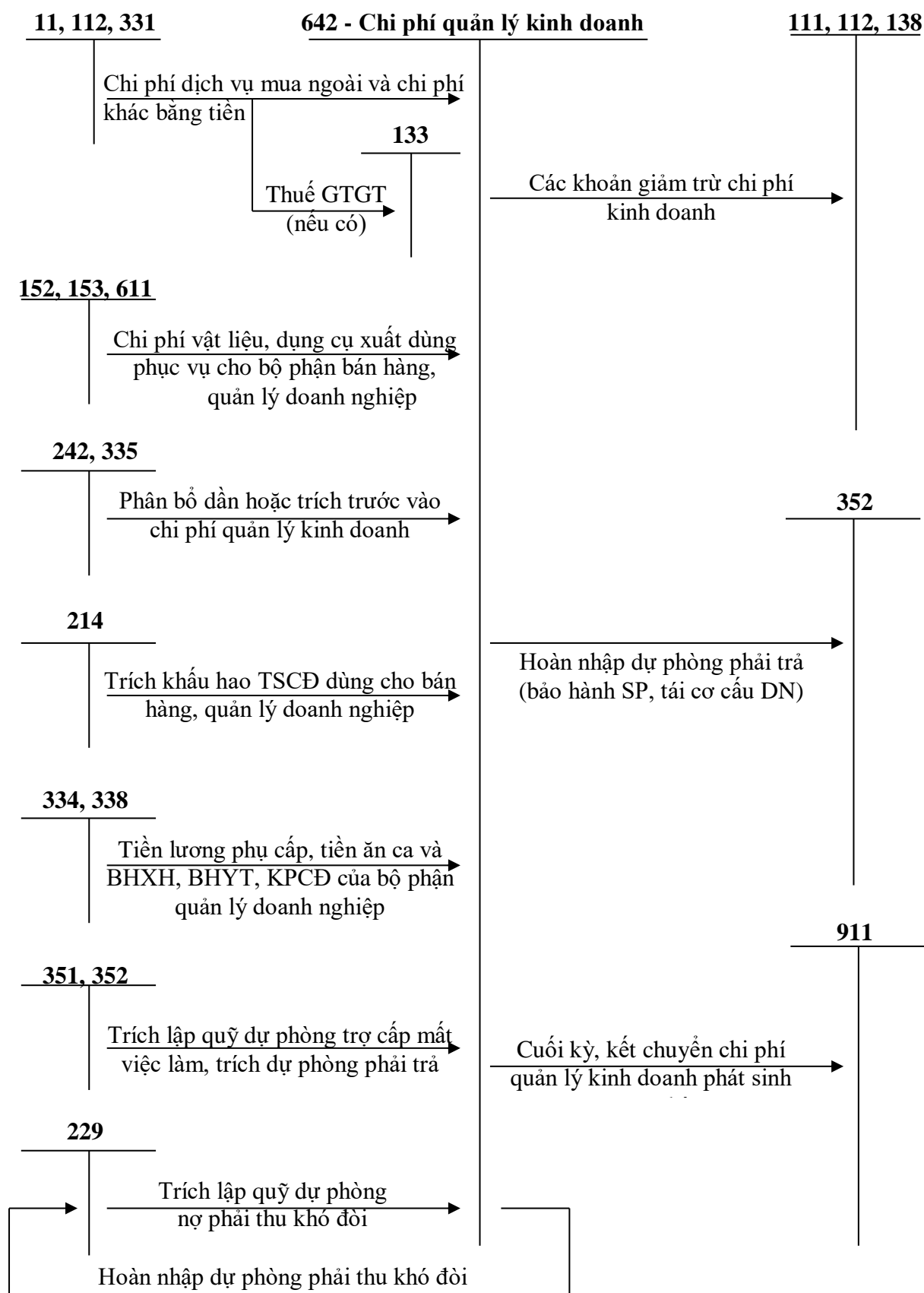
- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Bên Nợ:

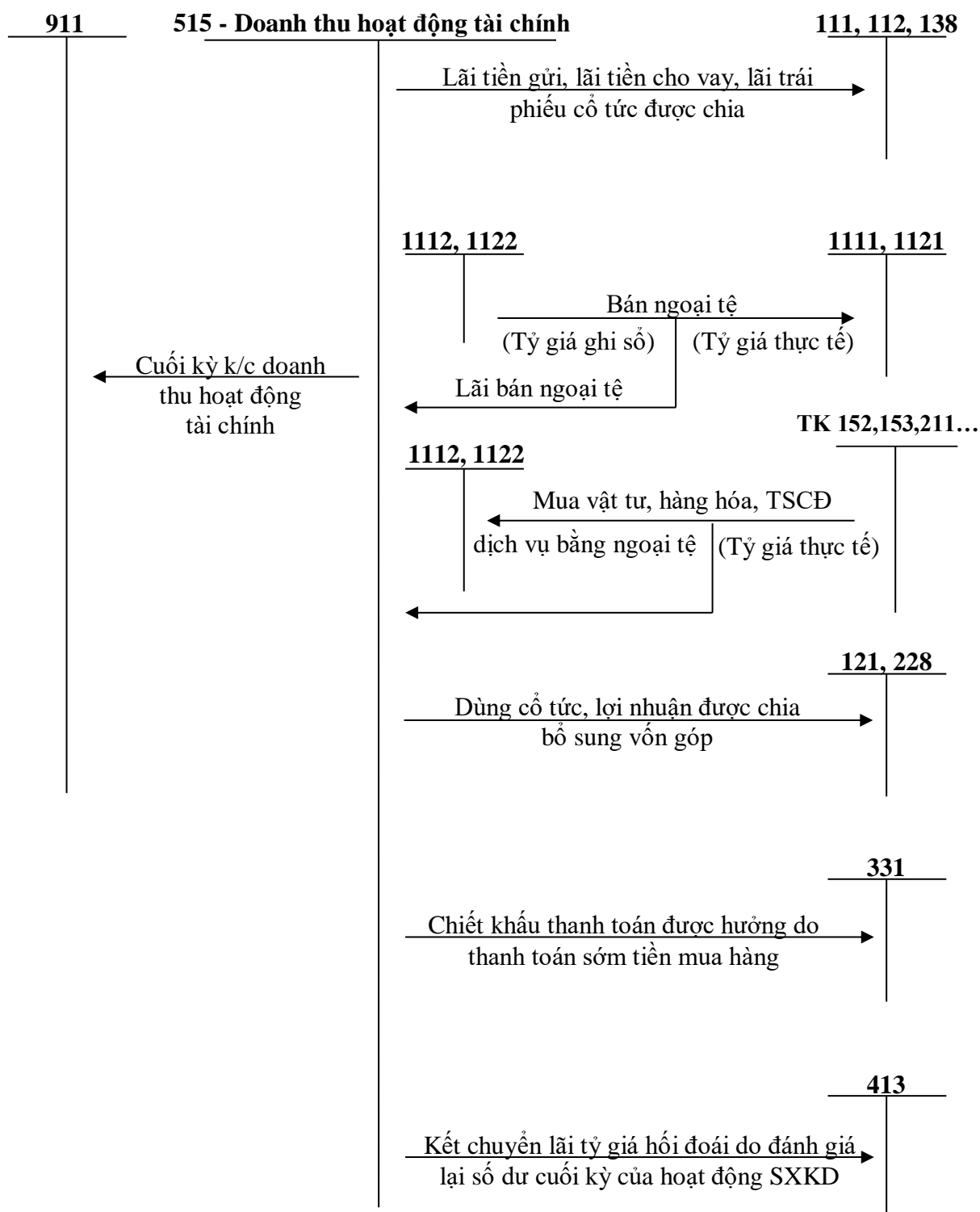
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ như:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
 - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
 - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

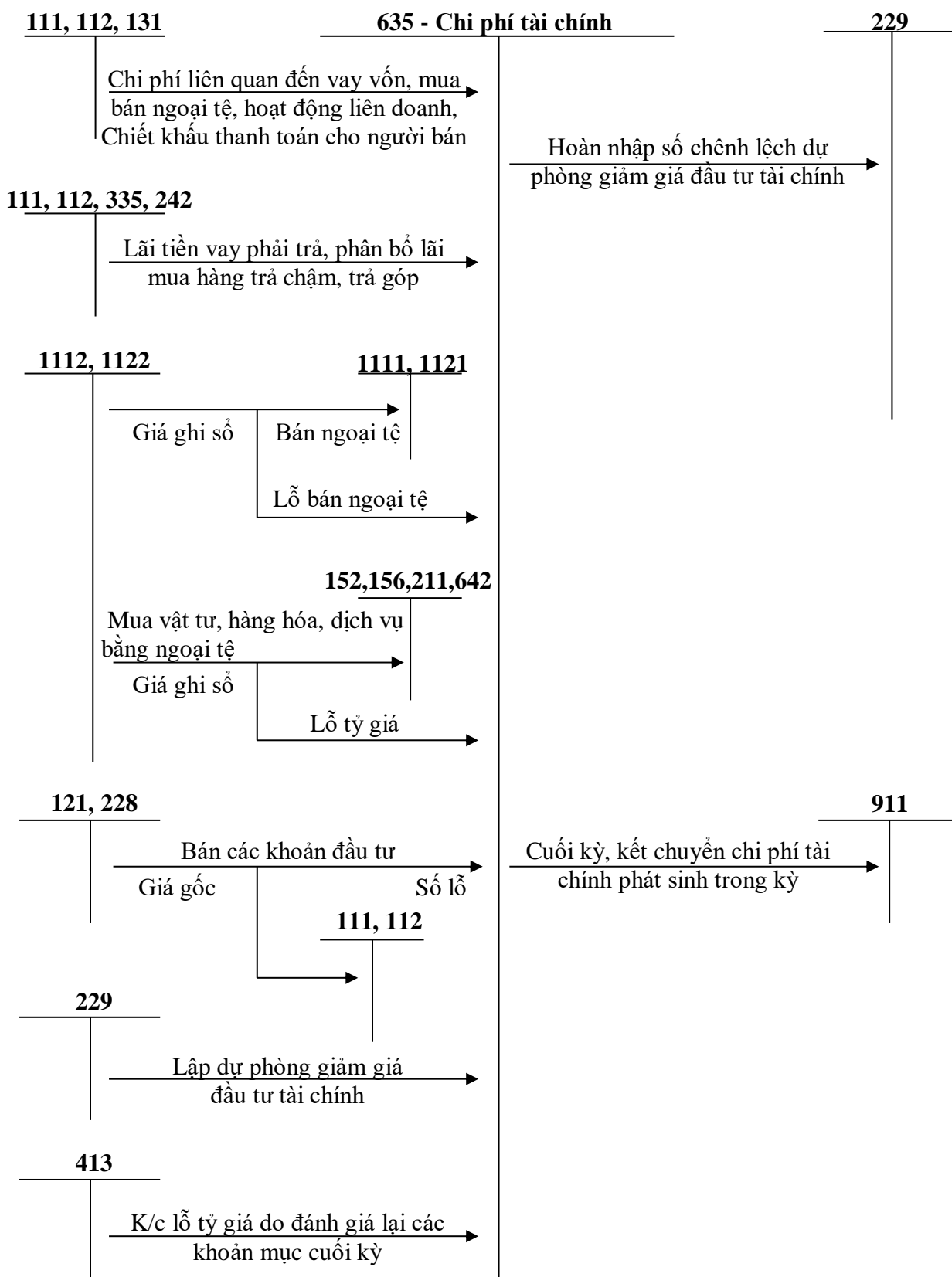
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng;...
- + Các chứng từ liên quan : Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “ Thu nhập khác”
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ:

Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ như:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCTC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ *Kết cấu của TK 821*

Bên Nợ:

Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

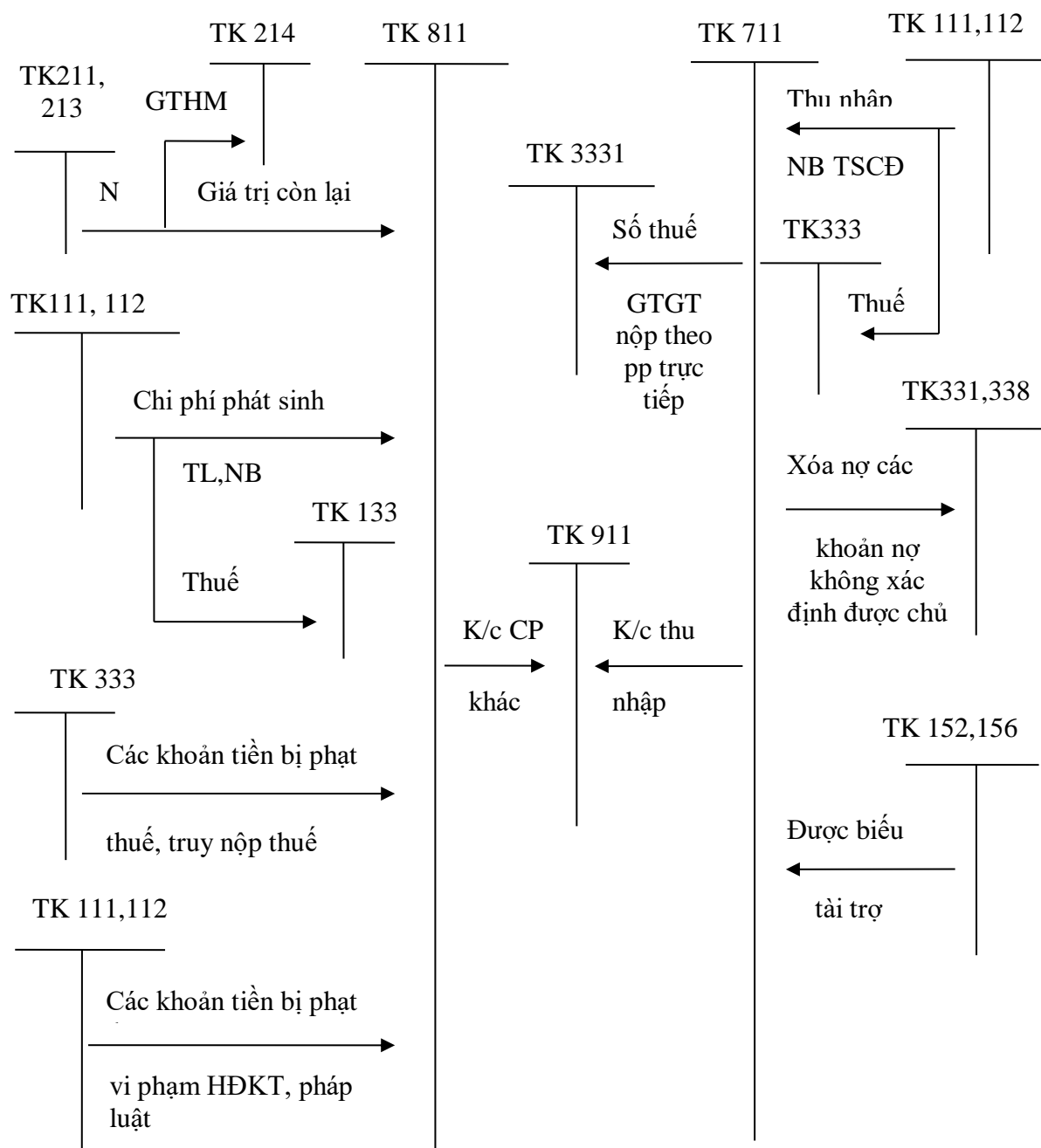
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCTC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.2.6. Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp vừa và nhỏ.

* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kế cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

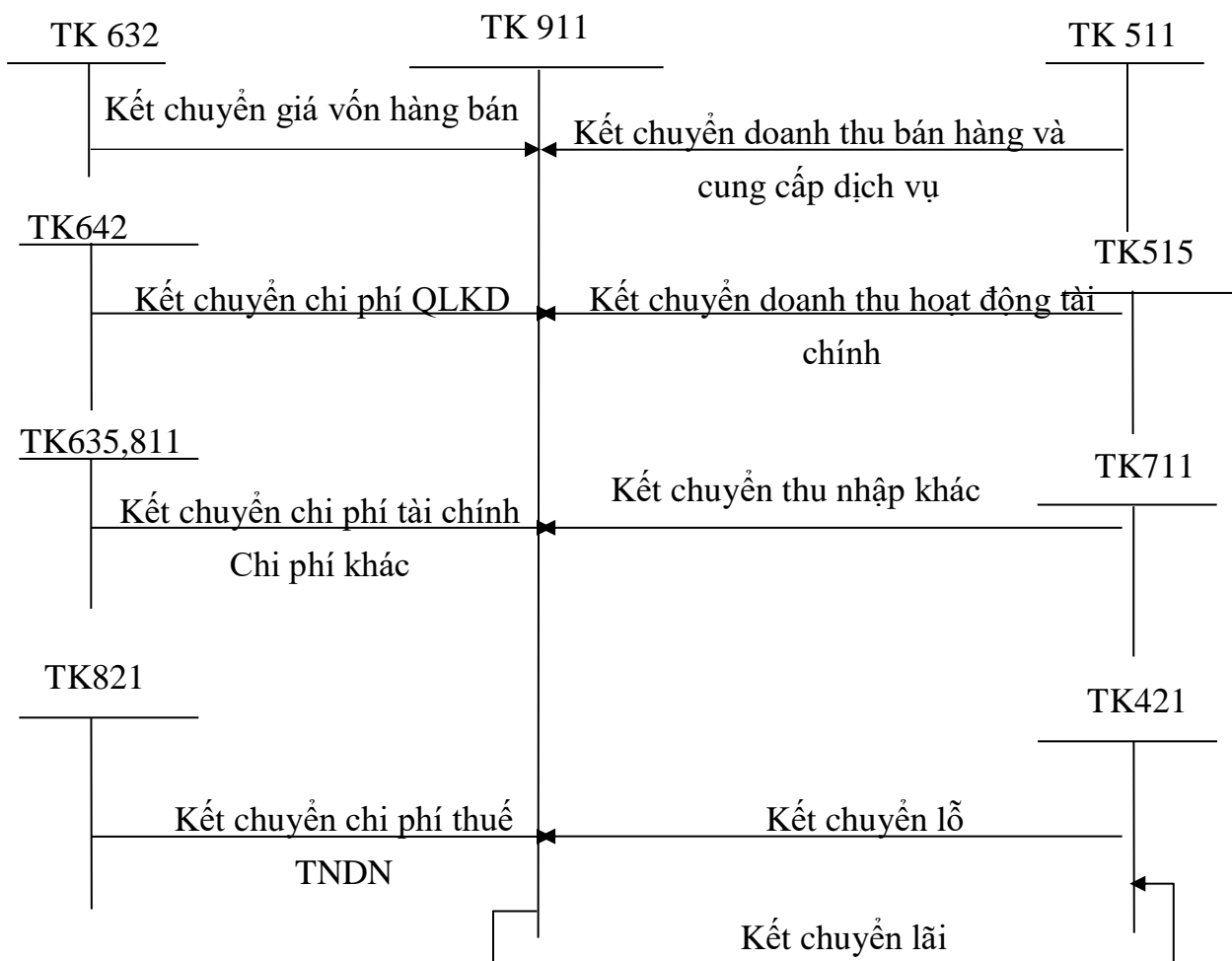
Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

- Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC

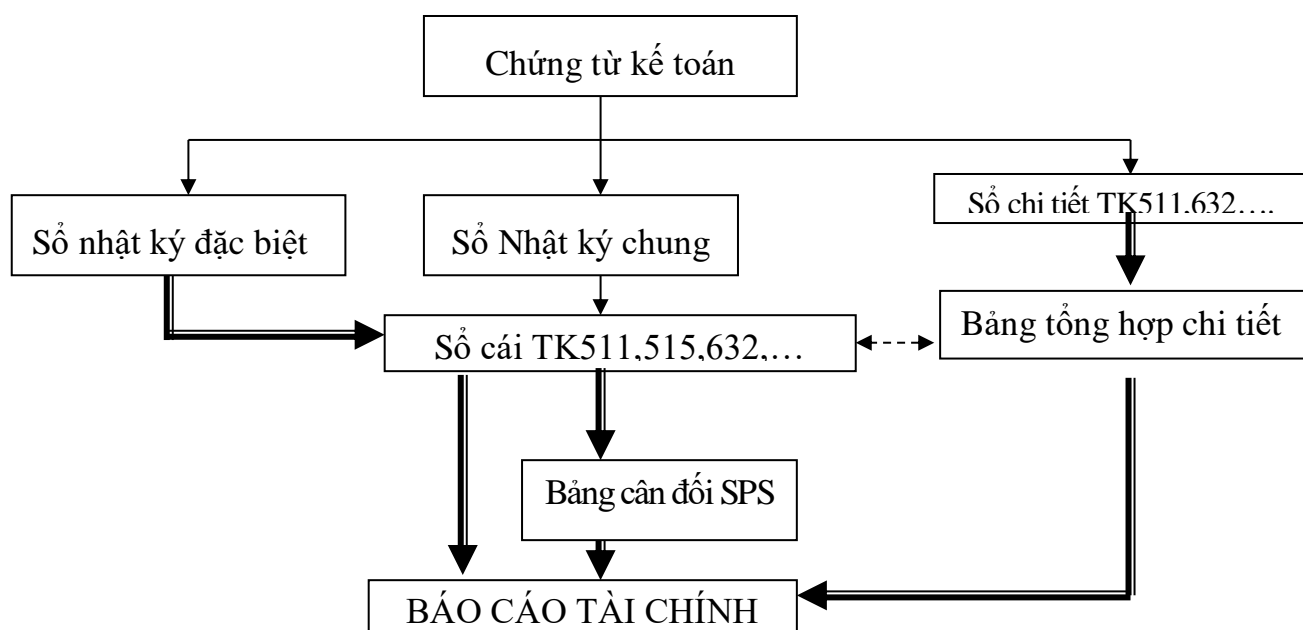
Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái. Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



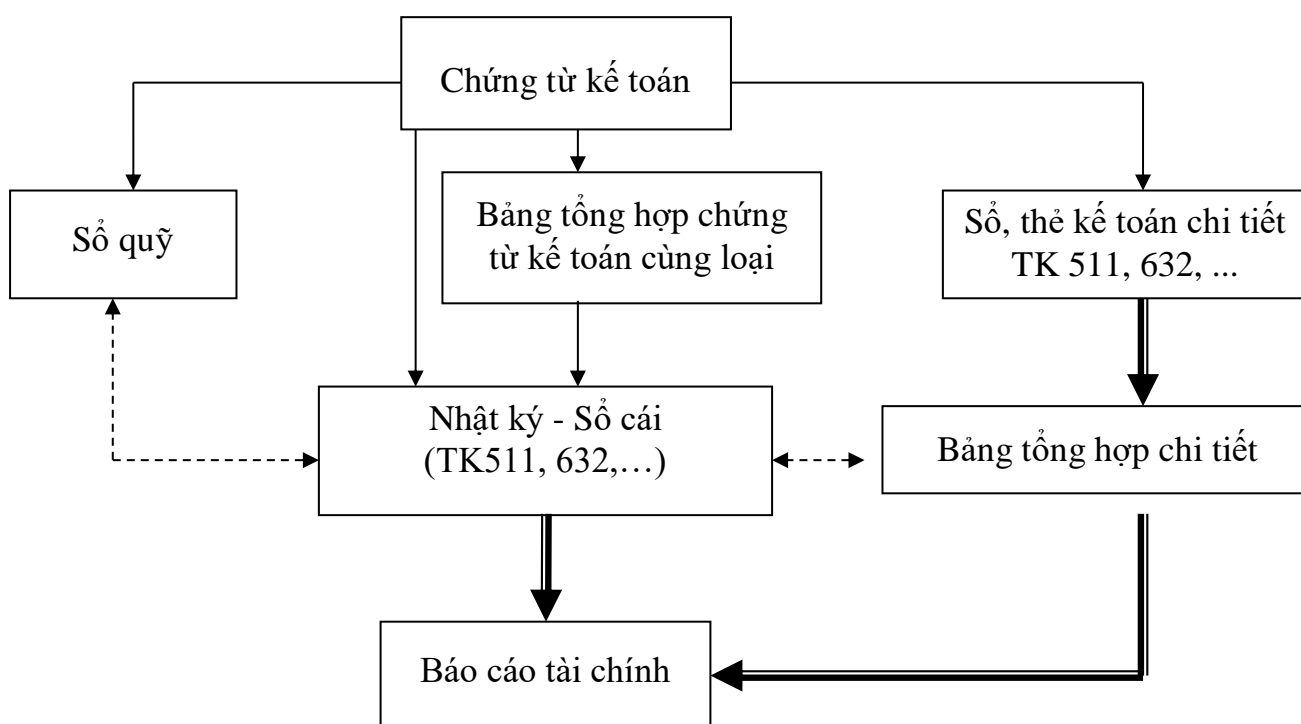
- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Nhật ký - Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

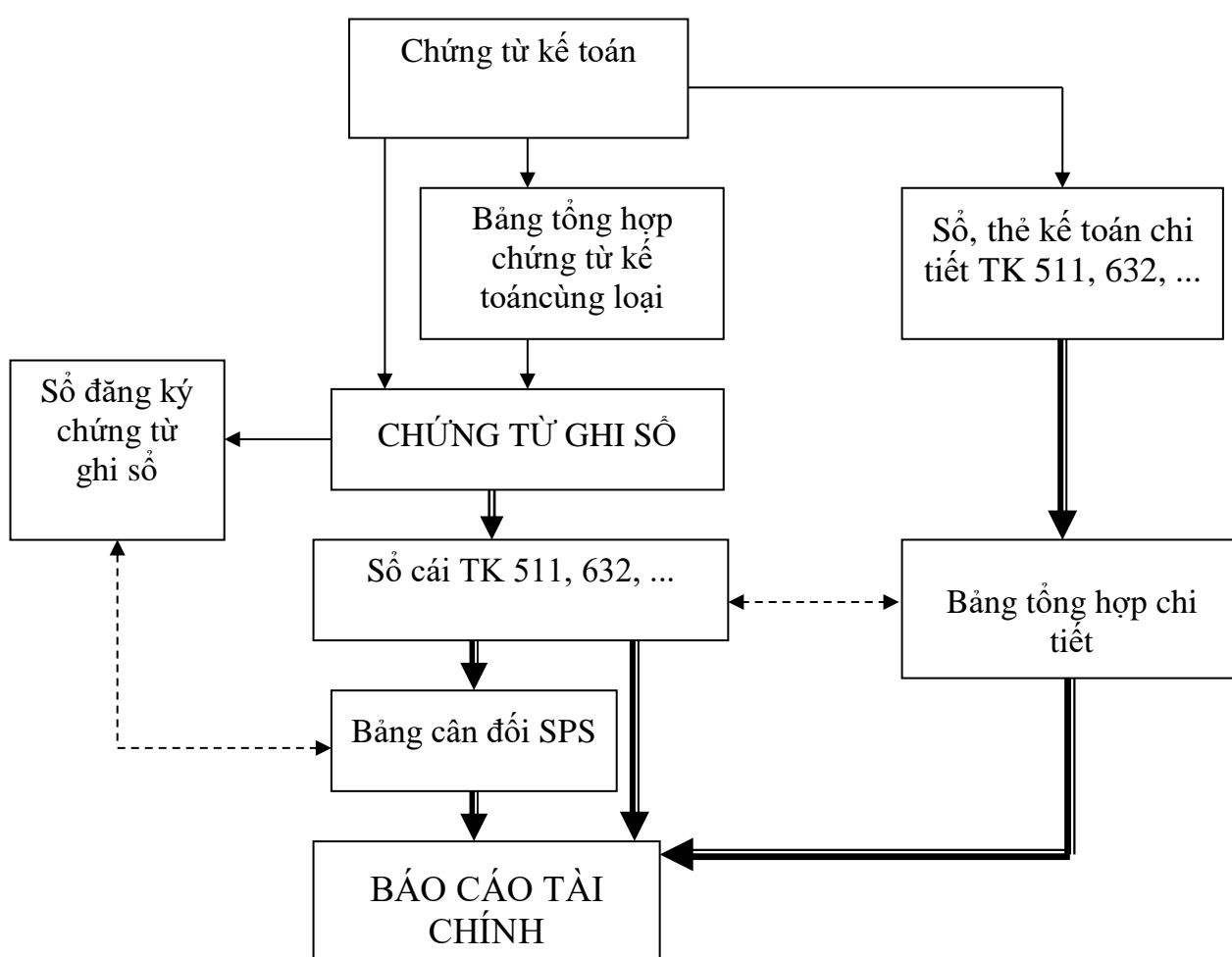
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

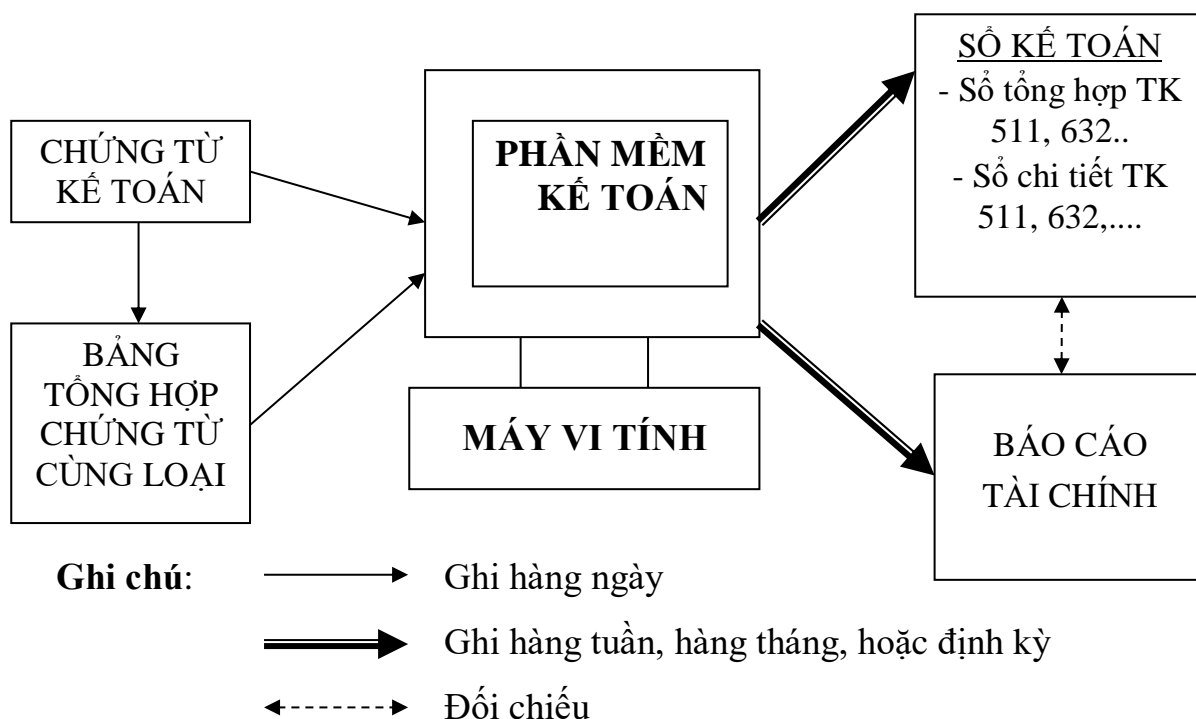


- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH****2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành*****Thông tin khái quát chung về công ty.***

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
- Đăng ký kinh doanh ngày: 08/04/2011
- Giấy phép kinh doanh: 0201158653 - ngày cấp: 08/04/2011
- Mã số thuế : 0201158653
- Địa chỉ: Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 0225 3282 107

2.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty.

Trong quá trình phát triển không ngừng của thị trường, Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo lập nên nền tảng vững chắc cho chính mình thì sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Được thành lập từ năm 2011 theo giấy phép thành lập số 0201145653 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 04 năm 2011. Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành với đội ngũ nhân viên trẻ, năng động sáng tạo và đầy nhiệt huyết đơn vị đã đạt được những bước phát triển đáng kể trong công việc. Công ty có lực lượng thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật đa dạng về chủng loại, hiện đại tiên tiến về công nghệ đáp ứng được nhu cầu thi công xây lắp các loại công trình có quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật cao, có tinh chất và điều kiện thi công phức tạp.

Mặc dù được thành lập và hoạt động chưa lâu nhưng đơn vị đã tạo được nền tảng phát triển cho mình, các công trình do công ty thi công được đánh giá cao về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ thi công tiêu biểu là một số công trình như: Nhà máy Xi Măng Cẩm Phả, nhà máy xi măng Hải Phòng, Công ty Đỉnh Vàng, Xưởng cơ khí công ty đóng tàu Thành Long

Bên cạnh đó công ty còn là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng chính cho các công trình như: Trường tiểu học trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Quảng Ninh, Công ty CP Hàng Kênh, Công ty TNHH Quốc Tế Vĩnh Chân, nhà xưởng công ty TNHH Well Power Việt Nam,

Chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra: tăng trưởng năm sau cao hơn so với năm trước, với tỷ lệ từ 20% đến 25%. Đến năm 2018, sau bảy năm hoạt động công ty đã đưa giá trị sản lượng thực hiện đạt trên ba mươi tỷ đồng. Trong đó sản lượng kinh doanh chiếm 70%, sản lượng xây lắp chiếm 30%. Nộp ngân sách Nhà nước tăng 10%, nâng cao thu nhập cán bộ công nhân viên của công ty. Đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay công ty dự định thành lập chi nhánh tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình... với các ngành nghề kinh doanh chính để mở rộng tại thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty – sản xuất kinh doanh đa ngành nghề:

✓ Về kinh doanh thương mại:

Kinh doanh vật liệu xây dựng: Các loại sắt, thép hình, tôn màu, xi măng, cát, đá...

Công ty là đầu mối chuyên thu mua sắt thép phế liệu các loại, cung cấp lại cho các nhà máy sản xuất phôi thép. Đồng thời công ty là bạn hàng truyền thống của các công ty thép: Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng, công ty TNHH Công nghiệp – Thương mại Thái Sơn, công ty CP thép Miền Bắc... để kinh doanh, phục vụ thép các công trình.

Sản xuất và cung cấp các loại thép hình, xà gồ các loại, tôn mạ màu các loại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về vật liệu xây dựng được định hình trước...

✓ Về xây dựng:

Các lĩnh vực xây lắp công ty đảm nhận thi công.

Thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, công trình điện....

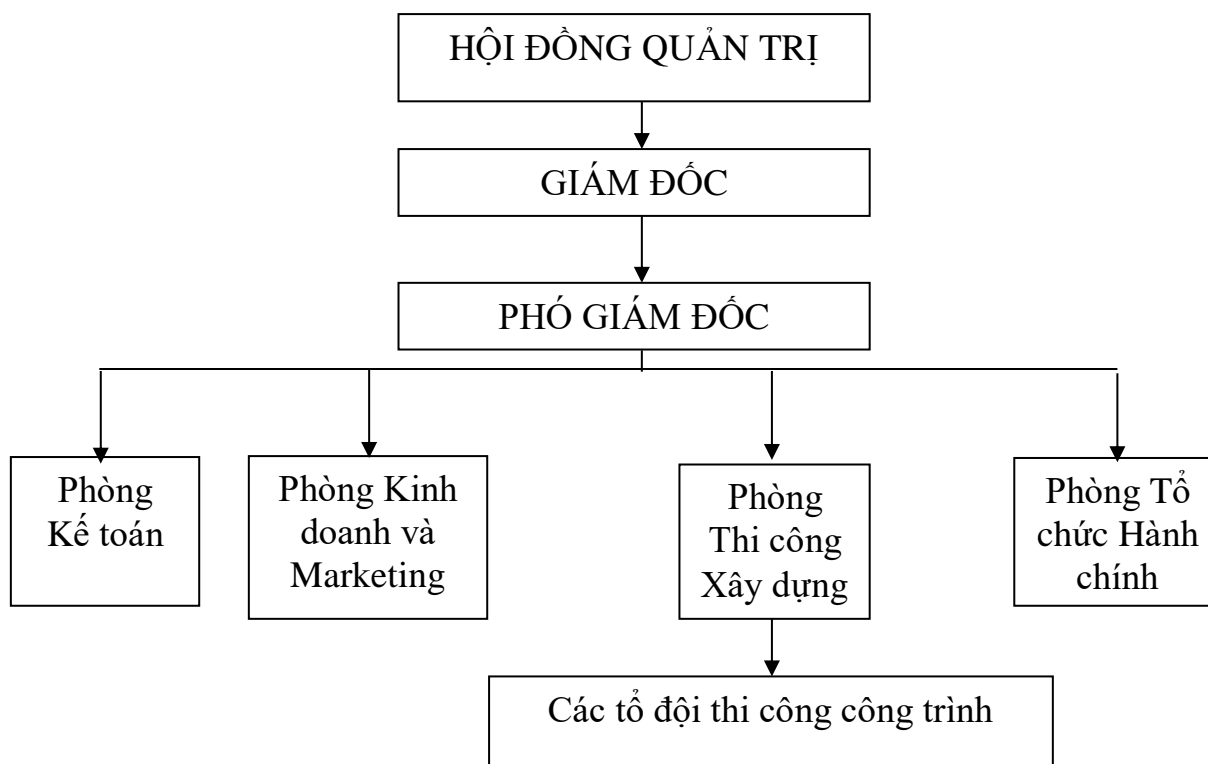
✓ **Dự án đầu tư:**

Đơn vị đang đẩy mạnh vào việc đầu tư kinh doanh các mặt hàng đặc chủng nhằm chiếm lĩnh thị trường và tạo được nền tảng vững mạnh trước khi tăng tốc phát triển vượt trội trên thị trường.

Công ty có mặt bằng bến bãi rộng lớn phục vụ cho các hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và các hoạt động kinh doanh khác. Có đội xe, máy thi công không những đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, thi công cơ giới cho các công trình của công ty mà còn làm dịch vụ cho các công trình của các đơn vị khác có nhu cầu sử dụng.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

➤ **Hội Đồng Quản Trị:**

Do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ:

- Quyết định chiến lược phát triển công ty
- Quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức
- Quyết định phương án đầu tư
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty, quyết định mức lương và lợi ích của cán bộ quản lý đó.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần doanh nghiệp khác.
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về những vi phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho công ty...

➤ **Giám đốc:**

Do HĐQT bổ nhiệm là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, giám đốc công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh về phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

➤ **Phó giám đốc:**

Do HĐQT bổ nhiệm có quyền lợi và nghĩa vụ:

- Tham mưu cho giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.
- Ngoài các công tác được phân công cụ thể thì cần có sự trao đổi nắm bắt nội dung công việc có liên quan để giải quyết công việc khi cần, đảm bảo mọi hoạt động tiến độ nhịp nhàng và sự điều hành của giám đốc.
- Tổ chức thực hiện quản lý các nguồn lực của công ty. Xây dựng quy chế điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các mặt kỹ thuật công nghệ, kinh doanh...Chỉ đạo sản xuất thực hiện theo kế hoạch mà ban lãnh đạo công ty đề ra. Giám sát giải quyết các công việc hàng ngày của đơn vị về: Kế toán, thống kê tài chính, kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo việc thực hiện các phương án đầu thầu, các mối quan hệ kinh doanh trong và ngoài nước, thay mặt giám đốc ký các hợp đồng kinh tế có giá trị đến 200 triệu đồng, đề xuất các phương án tổ chức sắp xếp lại lao động, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của công ty về lĩnh vực mình phụ trách.

➤ **Phòng Kế toán:**

Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của bộ tài chính, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong kinh doanh. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của công ty.

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính:**

Có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính như tiếp nhận, phát hành và lưu trữ công văn, giấy tờ tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây dựng cơ cấu tổ chức công ty. Thực hiện một số công việc về chế độ chính sách cũng như vấn đề lương bổng khen thưởng. Quản trị tiếp nhận lưu trữ công văn từ trên xuống, chuyển giao cho các bộ phận có liên quan.

➤ **Phòng Kinh doanh và Marketing:**

Nhiệm vụ tiếp cận và mở rộng thị trường, phân đoạn thị trường phù hợp với mục đích kinh doanh của công ty, quảng cáo sản phẩm mới, tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, quản lý các cửa hàng giới thiệu sản

phẩm và các đại lý công ty, thực hiện các giao dịch và hoạt động sản xuất trong và ngoài nước. Thu thập các thông tin trên thị trường về các lĩnh vực kinh doanh của công ty, nghiên cứu nhu cầu thị trường và tìm kiếm thị trường mới, đồng thời hỗ trợ giám đốc ký hợp đồng.

➤ **Phòng Thi công Xây dựng:**

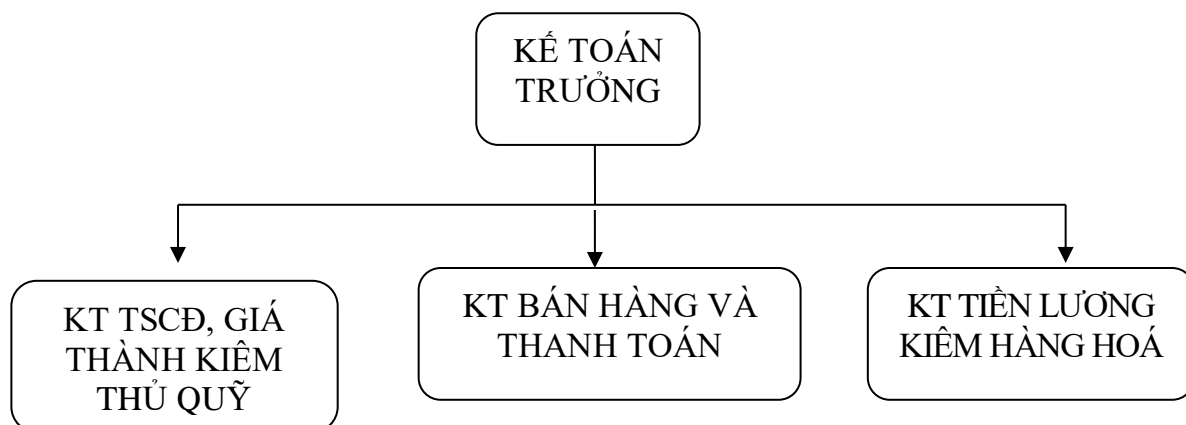
Quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của nhà nước hiện hành, đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, hướng dẫn nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm tăng khả năng nghiệp vụ cho nhân viên. Theo dõi bám sát tiến độ thi công, quản lý kiểm tra số lượng nguyên vật liệu nhập và xác định mức vật liệu tiêu hao ổn định hợp lý. Tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình, duyệt quyết toán công trình hình thành.

Trực tiếp tổ chức các đội thi công, xây dựng các công trình theo bản vẽ, tiến độ dưới sự phối hợp hướng dẫn của phòng kỹ thuật và sự chỉ đạo của Giám đốc.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

▪ **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

▪ **Kế toán tài sản cố định và giá thành kiêm thủ quỹ:** Có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kỳ. Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ.

▪ **Kế toán bán hàng và thanh toán:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm, hàng hóa xuất bán; theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác bán hàng; theo dõi công nợ phải thu của các khách hàng. Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

▪ **Kế toán tiền lương:** Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, hàng hóa. Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyên cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật kí chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

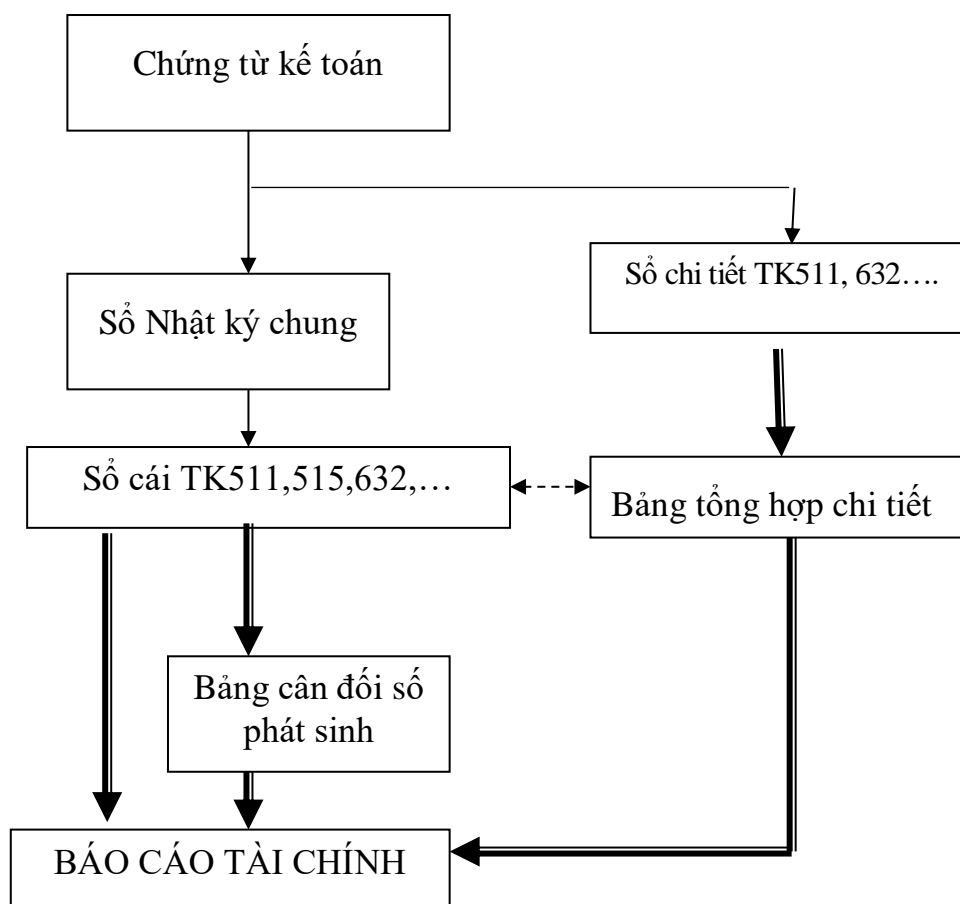
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

❖ Tài khoản sử dụng:

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản 511 được mở chi tiết cho từng hoạt động:

TK 5111 – Doanh thu hoạt động xây lắp

TK 5112 – Doanh thu bán hàng hóa

Kế toán tiếp tục mở chi tiết cho từng mặt hàng.

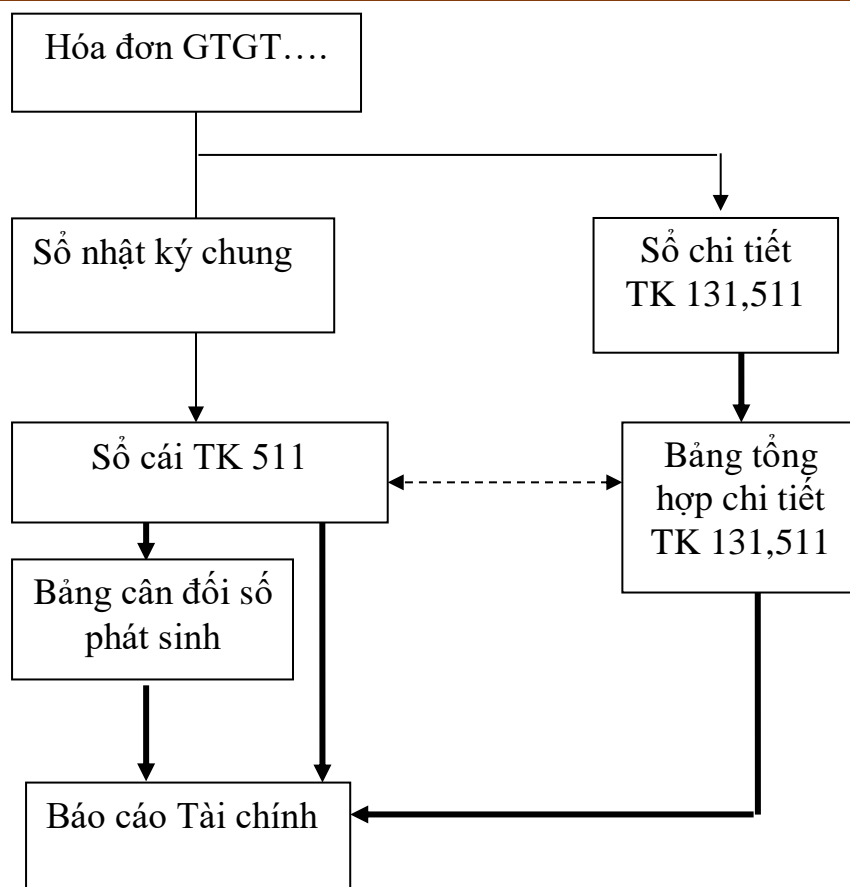
- + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái TK 511

❖ Phương pháp hạch toán:

❖ Trình tự hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Ví dụ 1: Ngày 01/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001812 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân, tổng giá thanh toán 148.041.300 đồng, chưa thu được tiền.

Ví dụ 2: Ngày 15/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001825 (biểu số 2.2) bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình – Lưu Kiếm – Thủy Nguyên, tổng giá thanh toán 17.242.500 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:																
Liên 3: Nội bộ			01GTKT3/001																
Ngày 01 tháng 11 năm 2018			Ký hiệu: HM/18P																
			Số: 0001812																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH																			
Mã số thuế: 0201158653																			
Địa chỉ: Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 3282 107																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng: Hà Văn Dương																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thái Vân																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	8	6	0	4	6	5				
0	2	0	0	8	6	0	4	6	5										
Địa chỉ: số 121, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Thép hình I200	kg	5.240	15.450	80.958.000														
2	Tôn mạ màu	kg	2.500	21.450	53.625.000														
Cộng tiền hàng					134.583.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		13.458.300														
Tổng cộng tiền thanh toán					148.041.300														
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm đồng chẵn .																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:		
Liên 3: Nội bộ			01GTKT3/001		
Ngày 15 tháng 11 năm 2018			Ký hiệu: HM/18P		
			Số: 0001825		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH					
Mã số thuế: 0201158653					
Địa chỉ: Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3282 107					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Ông Bùi Văn Bình					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Thép hình H200	kg	1.100	14.250	15.675.000
Cộng tiền hàng					15.675.000
Thuế GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT 1.567.500
Tổng cộng tiền thanh toán					17.242.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.3: Phiếu thu

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
 Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên,
 Thành phố Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 11 năm 2018

Quyển số: 11

Số: **40/11**

Nợ TK 111: 17.242.500

Có TK 511: 15.675.000

Có TK 333: 1.567.500

Họ và tên người nộp tiền : Ông Bùi Văn Bình

Địa chỉ:..... Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Lý do thu:.....Thu tiền bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình...

Số tiền :..... 17.242.500.....(Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng chẵn*

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0001825**

Ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng chẵn* .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng kế toán -Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	
01/11	HD1812	01/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131 511 333	148.041.300	134.583.000 13.458.300
01/11	PX1301	01/11	Xuất kho hàng hóa	632 156	122.698.900	122.698.900
			...			
14/11	HD1890	14/11	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131 511 333	133.540.000	121.400.000 12.140.000
			...			
15/11	HD1825 PT40/11	15/11	Bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình	111 511 333	17.242.500	15.675.000 1.567.500
15/11	PX1321	15/11	Xuất kho hàng hóa	632 156	14.797.200	14.797.200
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	32.083.162.050 11.182.910	32.094.344.960
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	31.074.164.093	28.445.278.781 2.283.760.530 345.124.782
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	204.036.173	204.036.173
			...			
			Cộng		182.122.219.514	182.122.219.514

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
				
01/11	HD1812	01/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131		134.583.000
...		
12/11	HD1818	12/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Hồng Đăng	131		64.500.000
...		
14/11	HD1820	14/11	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		121.400.000
15/11	HD1821	15/11	Bán hàng cho Công ty thương mại Á Bắc	131		85.450.000
...		
15/11	HD1825 PT40/11	15/11	Bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình	111		15.675.000
...		
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu 2018	911	32.083.162.050	
			Cộng phát sinh năm		32.083.162.050	32.083.162.050

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Tôn Mạ màu – TK 5111
Năm 2018

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
			...							
01/11	01/11	1812	Bán tôn mạ màu	131	2.500	21.450		53.625.000		
			...							
31/12	31/12	1987	Bán tôn mạ màu	131	10.200	21.400		218.280.000		
			...							
			Cộng số phát sinh				2.542.665.641	2.542.665.641		

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
 Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Bảng tổng hợp chi tiết TK511
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động KD hàng hóa	5112	26.661.804.526	26.661.804.526	
1	Tôn mạ màu	51121	2.542.665.641	2.542.665.641	
2	Thép góc	51122	3.142.548.348	3.142.548.348	
3	Thép hình I200	51123	982.667.291	982.667.291	
4	Thép hình I300	51124	2.453.465.364	2.453.465.364	
5	Thép hình H200	51125	3.001.882.651	3.001.882.651	
	...				
II	Hoạt động xây lắp	5111	5.421.357.524	5.421.357.524	
	Cộng		32.083.162.050	32.083.162.050	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Giá vốn hàng bán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi một loại hàng hóa, việc tính giá này được tính toán trên phần mềm Excel.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Ví dụ 1: Ngày 01/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001812 (biểu số 2.1) bán tôn mạ màu và thép hình cho Công ty TNHH Thái Vân, tổng giá thanh toán 148.041.300 đồng, chưa thu được tiền.

Dưới đây mô tả cách tính giá vốn cho thép hình và tôn mạ màu:

+ Số lượng thép hình I200 tồn kho tính đến ngày 01/11/2018 là 10.420 kg, trị giá tồn kho là 147.026.200 đồng.

Theo công thức tính trên có:

Đơn giá thép hình I200 tồn kho = 147.026.200/10.420 = 14.110 đồng/kg

Trị giá vốn của thép hình I200 xuất kho = 5.240 x 14.110 = 73.936.400 đồng

+ Số lượng tôn mạ màu tồn kho tính đến ngày 01/11/2018 là 12.400 kg, trị giá tôn mạ màu tồn kho là 236.902.000 đồng.

Theo công thức tính trên có:

Đơn giá tôn mạ màu xuất kho = 236.902.000/12.400 = 19.105 đồng/kg

Trị giá vốn của tôn mạ màu xuất kho = 2.500 x 19.105 = 47.762.500 đồng

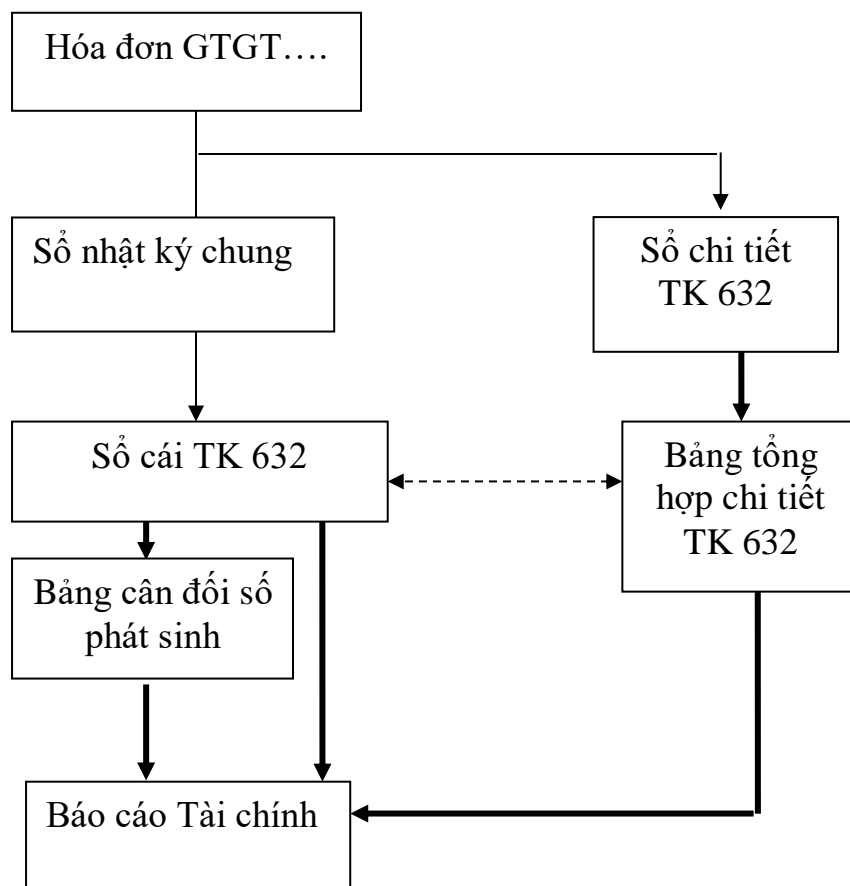
Giá vốn ở VD 2 xác định tương tự.

Để hoạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán. Tài khoản được kế toán đơn vị theo dõi chi tiết trên các tài khoản:

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Và các tài khoản có liên quan khác

- ❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan
- ❖ **Sổ sách liên quan:** Sổ cái TK 632, TK156... và các sổ chi tiết
- ❖ **Quy trình hạch toán**
- ❖ Trình tự hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối kỳ: —————→
- Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Ví dụ 1: Ngày 01/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001812 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân, tổng giá thanh toán 148.041.300đồng, chưa thu được tiền.

Ví dụ 2: Ngày 15/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0001825 (biểu số 2.2) bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình – Lưu Kiếm – Thủy Nguyên, tổng giá thanh toán 17.242.500đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 01 tháng 11 năm 2018
Số: 1301

Nợ: 632 **122.698.900**

Có: 156 **122.698.900**

Họ tên người nhận hàng: Vũ Kim Anh

Địa chỉ: Công ty TNHH Thái Vân - số 121 , Lê Thánh Tông. Ngô Quyền, TP. Hải
Phòng

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hình I200	THI200	kg	5.240	5.240	14.110	73.936.400
2	Tôn mạ màu	TMM	kg	2.500	2.500	19.105	47.762.500
	Cộng tiền hàng						122.698.900

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm chín tám nghìn, chín trăm đồng.

- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày 01 tháng 11 năm 2018
Kế toán trưởng **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 11 năm 2018

Số: 1321

Nợ: 632 **14.797.200**
Có: 156 **14.797.200**

Họ tên người nhận hàng: Ông Bùi Văn Bình

Địa chỉ: Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đ V T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép hình H200	H200	Kg	1.100	1.100	13.452	14.797.200
	Cộng tiền hàng						14.797.200

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 11 năm 2018
Kế toán trưởng **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành Thôn
3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	
01/11	HD1812	01/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131 511 333	148.041.300	134.583.000 13.458.300
01/11	PX1301	01/11	Xuất kho hàng hóa	632 156	122.698.900	122.698.900
			...			
15/11	HD1825 PT40/11	15/11	Bán hàng cho Ông Bùi Văn Bình	111 511 333	17.242.500	15.675.000 1.567.500
15/11	PX1321	15/11	Xuất kho hàng hóa	632 156	14.797.200	14.797.200
31/12	BN694	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	24.328.147	24.328.147
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	32.083.162.050 11.182.910	32.094.344.960
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	31.074.164.093	28.445.278.781 2.283.760.530 345.124.782
			...			
			Cộng		182.122.219.514	182.122.219.514

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
01/11	PX 1301	01/11	Xuất kho hàng hóa	156	122.698.900	
			...			
15/11	PX 1321	15/11	Xuất kho hàng hóa	156	14.797.200	
			...			
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả KD năm 2018	911		28.445.278.781
			Cộng phát sinh		28.445.278.781	28.445.278.781
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm: Tôn Mạ màu – TK 63221

Năm 2018

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn			
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			...					
01/10	01/11	PX1301	Bán tôn mạ màu	156	2.500	19.105	47.762.500	
			...					
31/12	31/12	PX1418	Bán tôn mạ màu	156	11.250	19.345	217.631.250	
			...					
			Cộng số phát sinh				2.145.347.201	2.145.347.201

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

**Bảng tổng hợp chi tiết TK632
Năm 2018**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động KD hàng hóa	6322	23.592.033.580	23.592.033.580	
1	Tôn mạ màu	63221	2.145.347.201	2.145.347.201	
2	Thép góc	63222	2.872.567.554	2.872.567.554	
3	Thép hình I200	63223	725.248.114	725.248.114	
4	Thép hình I300	63224	2.321.257.001	2.321.257.001	
5	Thép hình H200	63225	2.635.447.823	2.635.447.823	
	...				
II	Hoạt động xây lắp	6321	4.853.245.201	4.853.245.201	
	Cộng		28.445.278.781	28.445.278.781	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

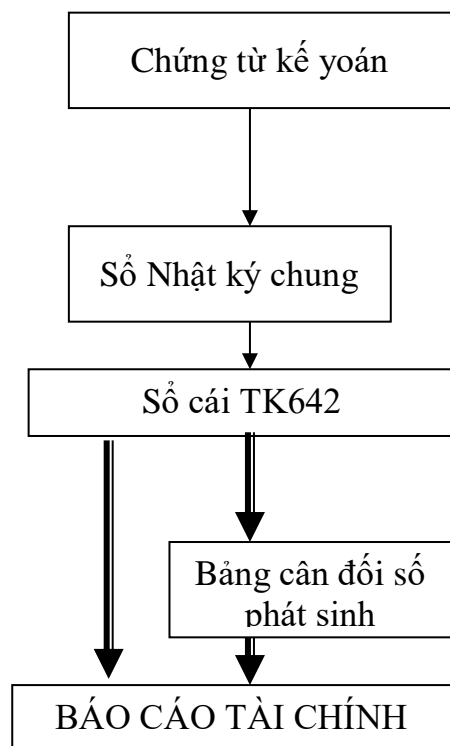
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ══════════> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Ví dụ: Ngày 11 tháng 12 công ty chi tiền mua văn phòng phẩm, tổng số tiền là 1.650.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu chi, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK642.

Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 TKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/18P															
Liên 2: Giao khách hàng			0000534															
Ngày 11 tháng 12 năm 2018																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dương Châu																		
Địa chỉ: 14 Phố mới – Thị trấn Núi Đèo – Thủy Nguyên - Hải Phòng.....																		
Điện thoại:MS thuế																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>						0	2	0	0	8	1	5	0	3	5	+	+	+
0	2	0	0	8	1	5	0	3	5	+	+	+						
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành.....																		
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành.....																		
Địa chỉ: Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng																		
Số tài khoản:00 31 000 130 468 Vietcombank Hai Phong Branch.....																		
Hình thức thanh toán: TM MS:																		
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>						0	2	0	1	3	0	0	8	4	6	+	+	+
0	2	0	1	3	0	0	8	4	6	+	+	+						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1x2													
1	Giấy A4	Gram	10	65.000	650.000													
2	Bút bi	Hộp	5	120.000	600.000													
3	Cặp 3 dây	Cái	10	25.000	250.000													
Cộng tiền hàng:					1.500.000													
Thuế GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 150.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000													
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn/.																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.15: Phiếu chi

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 12 năm 2018

Quyển số: 12

Số: 15/12

Nợ TK 642: 1.500.000

Nợ TK 133: 150.000

Có TK 111: 1.650.000

Họ và tên người nhận tiền : Đỗ Văn Thành

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền :..... **1.650.000**.....(Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*

/.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000534**.....

Ngày 11 tháng 12 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn /*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/11	HD 1812	01/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131 511 333	148.041.300	134.583.000 13.458.300
01/11	PX 1301	01/11	Xuất kho hàng hóa	632 156	122.698.900	122.698.900
			...			
11/12	PC 15/12 HĐ534	11/12	Chi văn phòng phẩm	642 133 111	1.500.000 150.000	1.650.000
			...			
15/12	PC 27/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642 133 111	3.400.000 340.000	3.740.000
			...			
31/12	BN554	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	24.328.147	24.328.147
31/12	PKT29	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	32.083.162.050 11.182.910	32.094.344.960
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	31.074.164.093	28.445.278.781 2.283.760.530 345.124.782
			...			
			Cộng		182.122.219.514	182.122.219.514

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
11/12	PC15/12 HD534	11/12	Thanh toán tiền chi văn phòng phẩm	111	1.500.000	
...
15/12	PC27/12 HD416	15/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3.400.000	
			..			
20/12	PC31/12	20/12	Thanh toán tiền công tác phí	111	2.250.500	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý KD 2018	911		2.283.760.530
			Cộng số phát sinh		2.283.760.530	2.283.760.530
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

2.2.4. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng. Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

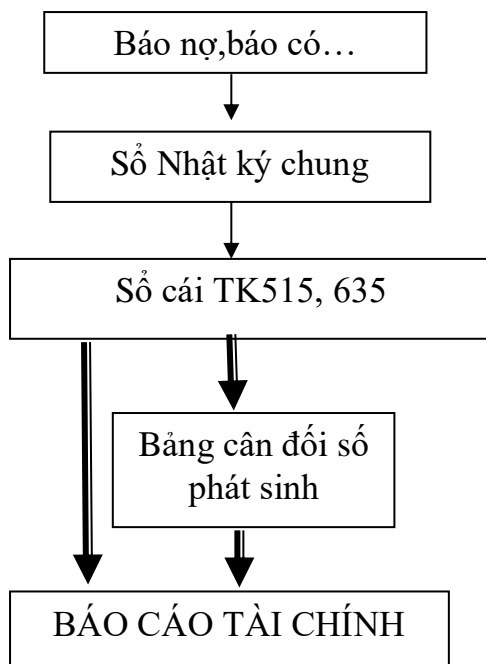
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan.

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

- **Ví dụ 1:** Ngày 31 tháng 12 năm 2018, công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 24.328.147đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 24.328.147

Có TK 112: 24.328.147

Từ giấy báo nợ và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 635, 112.

Biểu số 2.18: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương



Mã KH: 23429

Mã GDV: 3515

Số GD: 694

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2018

Kính gửi : **Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 00 31 000 130 468

Số tiền bằng số: **24.328.147**

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tư triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

- **Ví dụ 2:** Ngày 25 tháng 12 năm 2018, công ty Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành nhận lãi từ ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng số tiền 21.087đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 21.087

Có TK 515: 21.087

Từ giấy báo có và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515, 112.

Biểu số 2.19: Giấy báo có



Mã KH: 23429

Mã GDV: 3515

Số GD: 554

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 25/12/2018

Kính gửi : **Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 00 31 000 130 468

Số tiền bằng số: **21.087**

Số tiền bằng chữ: Hai mươi một nghìn, không trăm tám bảy đồng./

Nội dung: # LÃI NHẬP GỐC #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/10	HD 1812	01/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Thái Vân	131 511 333	148.041.300	134.583.000 13.458.300
01/10	PX 1301	01/10	Xuất kho hàng hóa	632 156	122.698.900	122.698.900
			...			
15/12	PC 27/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642 133 111	3.400.000 340.000	3.740.000
			...			
25/12	BC 554	25/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	21.087	21.087
			...			
31/12	BN 694	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	24.328.147	24.328.147
			..			
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	32.083.162.050 11.182.910	32.094.344.960
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	31.074.164.093	28.445.278.781 2.283.760.530 345.124.782
			...			
			Cộng		182.122.219.514	182.122.219.514

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành
phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
					
25/8	BC356	25/08	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi	112		10.248
			...			
25/11	BC493	25/11	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi	112		35.229
			...			
25/12	BC554	25/12	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi	112		21.087
			...			
31/12	BC571	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Vietinbank	112		49.442
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2018	911	11.182.910	
			Cộng số phát sinh		11.182.910	11.182.910
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
31/05	BN302	31/05	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	15.125.326	
			...			
31/10	BN512	31/10	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	21.457.341	
			...			
30/11	BN641	30/11	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	20.345.213	
			...			
31/12	BN 694	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Vietcombank	112	24.328.147	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2018	911		345.124.782
			Cộng số phát sinh		345.124.782	345.124.782
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

<p>Người ghi sổ (Ký, họ tên) (Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)</p>	<p>Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</p>	<p>Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)</p>
---	---	---

2.2.5. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Ví dụ minh họa:

Ví dụ: Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Năm 2018. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan. Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:	32.083.162.050
- Doanh thu hoạt động tài chính:	11.182.910
- Giá vốn bán hàng:	28.445.278.781
- Chi phí tài chính:	345.124.782
- Chi phí quản lý kinh doanh:	2.283.760.530
- Thu nhập chịu thuế =	1.020.180.867
- Thuế TNDN phải nộp = $1.020.180.867 * 20\% =$	204.036.173
- Lợi nhuận sau thuế =	816.144.694

Biểu số 2.23. Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 19

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	32.083.162.050
2	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911	11.182.910
	Cộng			32.094.344.960

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24. Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 20

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	28.445.278.781
2	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	2.283.760.530
3	Kết chuyển chi phí HĐ chính	911	635	345.124.782
	Cộng			31.074.164.093

Người lập

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25. Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 21

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2018	821	3334	204.036.173
	Cộng			204.036.173

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 22

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	204.036.173
	Cộng			204.036.173

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27. Phiếu kế toán

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 23

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	816.144.694
	Cộng			816.144.694

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
15/12	PC 27/12 HĐ416	15/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642 133 111	3.400.000 340.000	3.740.000
			...			
31/12	BC 554	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	21.087	21.087
			...			
31/12	BN 694	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	24.328.147	24.328.147
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 911	32.083.162.050 11.182.910	32.094.344.960
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC	911 632 642 635	31.074.164.093	28.445.278.781 2.283.760.530 345.124.782
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	204.036.173	204.036.173
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	204.036.173	204.036.173
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	816.144.694	816.144.694
			Cộng		182.122.219.514	182.122.219.514

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 911

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố
Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		32.083.162.050
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		11.182.910
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	28.445.278.781	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	2.283.760.530	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	345.124.782	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	204.036.173	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	816.144.694	
			Cộng số phát sinh		32.094.344.960	32.094.344.960
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.30. Trích sổ cái TK 821

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố
Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	333	204.036.173	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		204.036.173
			Cộng số phát sinh		204.036.173	204.036.173
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.31. Trích sổ cái TK 421

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố
Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu năm</i>			587.305.227
			<i>Số phát sinh</i>			
			...			
31/12	PKT23	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	911		816.144.694
			<i>Cộng số phát sinh</i>		587.305.227	816.144.694
			<i>Số dư cuối năm</i>			816.144.694

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành
Thôn 3, Xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố
Hải Phòng

Mẫu số: B02-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		32.083.162.050	20.245.872.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		32.083.162.050	20.245.872.412
4. Giá vốn hàng bán	11		28.445.278.781	18.232.456.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.637.883.269	2.013.415.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.182.910	14.531.278
7. Chi phí tài chính	22		345.124.782	245.897.214
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8 Chi phí quản lý kinh doanh	25		2.283.760.530	1.687.542.334
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.020.180.867	94.507.430
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.020.180.867	94.507.430
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		204.036.173	18.901.486
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		816.144.694	75.605.944

Hải phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ THÀNH****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành**

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã đạt được những ưu điểm song cũng còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải tìm cách phát huy những ưu điểm và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm**- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

+ Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh cũng như mô hình hoạt động của mình. Các phòng ban làm việc hiệu quả, luôn cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời cho các cấp quản lý.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty trong thời kỳ hiện nay.

+ Nhận sự trong phòng kế toán được sắp xếp hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời,

chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

- Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu theo TT số 133/TT – BTC do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo TT số 133/TT – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

+ Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định của nhà nước và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty cũng như của các cơ quan chức năng của nhà nước.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/QĐ-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán:

Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty đã không lập sổ chỉ tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý kinh doanh theo yếu tố chi phí chưa thật sự hiệu quả.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại, công ty có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, các khoản nợ không đòi được (Biểu 3.1) nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này cũng như chưa xóa sổ những khoản nợ được xác định là không đòi được.

❖ Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU
ĐẾN NGÀY 31/12/2018**

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH Mạnh Hùng	342.140.677	342.140.677			
..	
4	Công ty CP Đầu tư Hoàng Anh	145.235.000		145.235.000		
...	
15	Công ty cổ phần Phương Nam	15.450.000				15.450.000
...	
	Tổng cộng	1.782.568.201	915.224.001	864.267.250	403.569.098	15.450.000

Người ghi sổ
(Ký. họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký. họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...

Giám đốc
(Ký. họ tên)

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành ngoài những mặt tích cực thì về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

Kiến nghị 1: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Việc công ty cũng không mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh theo yếu tố chi phí nên gây khó khăn cho công tác quản trị chi phí. Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý kinh doanh được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3 như:

- TK 6421 : Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Trong các tài khoản cấp 2 kế toán lại mở tiếp cấp 3

+ **Tài khoản 6421**- Chi phí bán hàng có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 3 như:

- TK 64211: Chi phí nhân viên bán hàng (lương và các khoản trích theo lương)
- TK 64212: Chi phí vật liệu
- TK 64213: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
- TK 64214: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64215: Chi phí bảo hành sản phẩm
- TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
- TK 64218 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

+ **Tài khoản 6422** - Chi phí quản lý doanh nghiệp có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 3 như:

- TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản trích theo lương)
- TK 64222: Chi phí vật liệu
- TK 64223: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
- TK 64224: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64225: Chi phí thuế và lệ phí
- TK 64226: Chi phí dự phòng
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
- TK 64228 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên. sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó. giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều. vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả. tránh lãng phí. nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Biểu số 3.2: Sổ chi phí quản lý kinh doanh

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT - BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2018

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 642									
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra								
						6421				6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kiểm nghị 2: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là dự phòng phân giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu khi quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Hiện tại, công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ những khoản không đòi được. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên tiến hành trích lập khoản này để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) **Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khách hàng:**

- Khoản nợ gốc có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không để căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

b) **Phương pháp xác định kế toán dự phòng giảm thu khó đòi.**

+ Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi các khoản của con nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán.

Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên.
- **Chứng từ sử dụng:** Chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế và các chứng từ khác.
- **Tài khoản sử dụng:** TK 229(3)- Dự phòng phải thu khó đòi.
- **Kết cấu tài khoản 229(3):**

Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Xử lý các khoản phải thu khó đòi đã lập cuối năm trước.

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối năm.

✓ **Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập cho lần đầu tiên.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 229(3): Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi phải lập ở kỳ này lớn hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải trích lập bổ sung thêm phần chênh lệch:

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 229(3): Số tiền trích lập thêm

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập. Kế toán sẽ phải hoàn nhập phần chênh lệch:

Nợ TK 229(3): Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 229(3): (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131,138

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ để ghi vào ghi phí, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111. 112... : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 : Số tiền thực tế đã thu hồi được

Ví dụ: Ngày 31/12/2018, kế toán tiến hành lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (biểu số 3.1) như sau:

- Đối với các công ty khác phát sinh nợ quá hạn theo quy định tính được mức cần trích lập dự phòng theo quy định là: 196.315.450 đồng. Kế toán ghi như sau:

Nợ TK 642: 196.315.450

Có TK 229(3): 196.315.450

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau: Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2018: 15.450.000 đồng, Công ty tiến hành xóa sổ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 15.450.000

Có TK 131: 15.450.000

- Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ sách có liên quan.

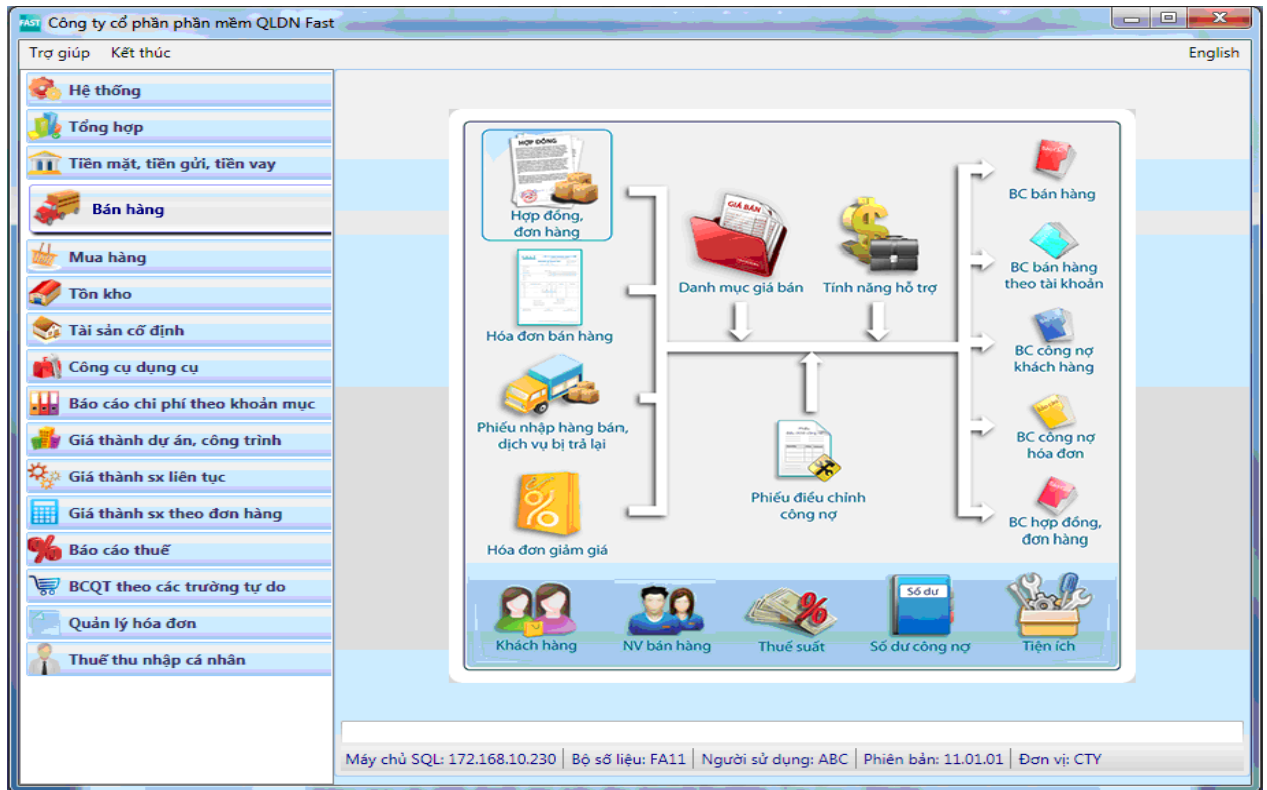
➤ **Kiến nghị 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.**

Tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy, Công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart. Công ty cũng có thể đặt hàng với các công ty cung

cấp phần mềm để họ viết phần mềm kế toán theo yêu cầu của công ty. Dưới đây là một số phần mềm công ty có thể tham khảo:

* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn>



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 13.000 khách hàng. Fast Accounting với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất. Phần mềm này được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.

***Phần mềm kế toán MISA :** <http://www.misa.com.vn/>



MISA SME.NET 2018 là phần mềm luôn được cải tiến cho phù hợp với chế độ kế toán của các doanh nghiệp. đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán.MISA SME.NET 2018 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty như: Giải pháp về mở sổ kế toán, giải pháp về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, giải pháp về công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **ThS. Đồng Thị Nga** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Lê Thị Ngọc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006). *Kế toán tài chính*. NXB Thống kê.
2. Thông tư 133/2016/QĐ (2014). *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*. Bộ tài chính
3. Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Phú Thành (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Các tài liệu khác trên mạng internet.